

Bản án số: 92/2024/HS-PT

Ngày: 06/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Ông Lê Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh thanh hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 111/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Hữu H** - sinh năm 1977; nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H2 và bà Nguyễn Thị N; có vợ Nguyễn Thị T và có 2 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2023 đến ngày 29/9/2023 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

-Có 7 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19h 30' ngày 02/7/2023, Tổ tuần tra Công an huyện T tuần tra trên Quốc lộ D đến địa phận thôn N, xã T, huyện T thì phát hiện Nguyễn Hoàng A có biểu hiện nghi vấn nên đã kiểm tra hành chính. Thu giữ 01 con dao bằng kim loại và 01 điện thoại. Kiểm tra điện thoại Nokia của Hoàng A phát hiện, vào 16h 53' cùng ngày, Hoàng A sử dụng điện thoại nhắn tin đến điện thoại của Nguyễn Văn T1 để mua các số lô tương ứng số tiền 22.500.000đ và 3.000.000đ tiền số đề.

Ngày 03/7/2023, T1 đầu thú, giao nộp điện thoại S1 A02s; ngày 02/7/2023, Nguyễn Văn V đến Công an huyện T đầu thú giao nộp 01 điện thoại Oppo A17;

ngày 03/7/2023, các bị cáo còn lại đến đầu thú và giao nộp điện thoại di động gồm: Nguyễn Hữu H giao nộp 02 điện thoại (01 điện thoại Nokia 1202, 01 điện thoại S1 J7 Prime); Lê Thị N1 giao nộp 01 điện thoại Iphone XS; Nguyễn Trọng T2 giao nộp 01 điện thoại Iphone 11; Đào Xuân B giao nộp 01 điện thoại Samsung Galaxy M12; Đào Xuân S giao nộp 01 điện thoại S1; Nguyễn Thị T giao nộp 02 điện thoại (01 điện thoại Nokia và 01 điện thoại Samsung Galaxy A10).

Tiến hành kiểm tra điện thoại thu giữ và trích xuất hình ảnh tin nhắn, lịch sử cuộc gọi, lịch sử giao dịch chuyển tiền của các bị cáo. Đối chiếu kết quả kiểm tra điện thoại, lời khai nhận của các bị cáo. Thu thập kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hồi ngày 02/7/2023 và các ngày có hành vi đánh bạc, đủ cơ sở xác định: T1 nhận số lô, đề của Hoàng A nhưng không giữ lại ôm mà chuyển cho anh trai là V để V chuyển cho người khác nhận tiền hoa hồng chênh lệch. V sau khi nhận số lô, đề và tiền do T1 chuyển thì chuyển cho T và H. T giữ lại ôm, còn H nhận thêm số lô, đề của B, S và Võ Cơ T3. Sau đó cân đối và tự cá cược thêm rồi chuyển cho vợ là T để T chuyển cho N1 hưởng hoa hồng tiền chênh lệch, N1 không chuyển cho ai mà giữ lại để ôm.

Quá trình điều tra, các bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, đề cụ thể như sau:

Các bị cáo đã sử dụng điện thoại di động là phương tiện để nhắn tin cho nhau thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, đề, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hàng ngày là căn cứ. “Lô” là hai số cuối trong kết quả 27 dãy số kết quả của xổ số kiến thiết miền B; “Đề” là hai số cuối cùng trong giải đặc biệt của xổ số kiến thiết miền B. Cụ thể hành vi phạm tội như sau:

1. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T1:

Vào hồi 16h53’ ngày 02/7/2023, T1 nhận được cuộc điện thoại của Q ở xã T hỏi T1 về việc cá cược lô tương ứng số tiền 22.500.000đ và 3.000.000đ tiền số đề, tổng số tiền đánh bạc là 25.500.000đ. Để thanh toán tiền đánh bạc, Q chuyển khoản cho T1 số tiền 15.000.000đ, nhờ người giao tiền mặt 10.500.000đ cho T1.

Sau khi nhận được tiền T1 chuyển toàn bộ bằng lô, đề và chuyển 25.500.000đ từ tài khoản của T1 sang tài khoản ngân hàng M của V.

2. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn V:

Chiều ngày 02/7/2023 V đánh bạc dưới hình thức nhận các số lô, đề của T1 với số tiền 25.500.000đ. Sau khi nhận bằng lô, đề từ T1, V dùng điện thoại OppoA17 của mình gọi điện cho T để chuyển các số lô, đề vừa nhận cho T nhưng T không nhận hết. Tổng số tiền đánh bạc T nhận của V là 8.350.000đ. Đến 17 giờ 37 phút cùng ngày, V dùng số tài khoản Ngân hàng của V chuyển số tiền 8.300.000đ đến tài khoản số 3516205213929, Ngân hàng A1 của T, còn 50.000đ V đến nhà T đưa tiền mặt.

Sau đó, V gọi điện cho H, để chuyển một phần các số lô cho H tương ứng số tiền 15.700.000đ. Đến 17 giờ 49 phút, V chuyển khoản số tiền 15.700.000đ vào tài khoản số 0973600668 Ngân hàng M1 của H. Ngoài ra, V đánh trực tiếp với một người phụ nữ (không rõ lai lịch) ghi xổ số ở thành phố S và đưa tiền mặt trực tiếp

hai số đề ba càng với số tiền tổng là 1.000.000đ. Tất cả các số lô, đề trên đều không trúng

3. Hành vi phạm tội của Nguyễn Trọng T2:

Chiều ngày 02/7/2023 V gọi điện cho T2 để chuyển các số lô, đề cho T2 nhưng T2 chỉ nhận một số lô, đề. Tổng số tiền T2 nhận đánh lô, đề từ V là 8.350.000đ (V đã giao toàn bộ số tiền này cho T2) Các số lô, đề trên đều không trúng.

4. Hành vi phạm tội của Đào Xuân B:

Hồi 17 giờ 52 phút ngày 02/7/2023, B dùng điện thoại nhắn tin đến số điện thoại của H để mua các số lô, số đề, tổng số tiền là 3.200.000đ. B trúng thưởng tổng số tiền 3.200.000đ. Tổng tiền đánh bạc là 6.400.000đ. B và H đã thanh toán tiền đánh bạc với nhau.

5. Hành vi phạm tội của Đào Xuân S:

Ngày 06/4/2023 S đánh bạc với H số tiền là 2.050.000đ, trúng thưởng 4.200.000đ. Tổng tiền đánh bạc là 6.250.000đ, đã thanh toán với nhau. (Ngoài ra S còn đánh bạc một số lần của một số ngày với số tiền dưới 5.000.000đ)

6. Hành vi phạm tội của Nguyễn Hữu H:

H thừa nhận hành vi đánh bạc của mình và khai nhận cụ thể như sau:

Ngày 06/4/2023 S đánh bạc với H số tiền là 2.050.000đ trúng thưởng 4.200.000đ. Tổng tiền đánh bạc là 6.250.000đ.

Ngày 02/7/2023 sau khi nhận bảng của các con bạc như V, B. H tổng hợp và tự đánh thêm chuyển bảng cho T2 với số tiền là 28.942.500. Bảng trúng 13.200.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 42.142.500đ.

7. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T:

Ngày 02/7/2023 Tiến nhận bảng lô đề do H (là chồng) chuyển đến qua tin nhắn với tổng số tiền đánh lô, đề là 28.942.500đ. T dùng điện thoại nhắn tin cho N1 để chuyển toàn bộ bảng lô, đề cho N1 để hưởng hoa hồng. Bảng thắng 13.200.000đ. Tổng tiền đánh bạc là 42.142.500đ (T và N1 chưa thanh toán cho nhau).

8. Hành vi phạm tội của Lê Thị N1:

Chiều 02/7/2023 T dùng điện thoại nhắn tin cho N1 chuyển bảng lô, đề với tổng số tiền 28.942.500đ. Bảng trúng 13.200.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 42.142.500đ.

Tại Bản án số 19/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của TAND huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo H 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2023 đến ngày 29/9/2023. Ngoài ra

bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác; quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/3/2024 bị cáo H kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bị cáo H nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đề nghị HĐXX chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giao nộp thêm Giấy xác nhận đã tích cực tham gia các hoạt động vì lợi ích cộng đồng do địa phương phát động; tham gia phòng chống dịch covid; ủng hộ quỹ vì người nghèo. Ngoài ra sau khi xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm và tiền án sơ thẩm tuyên truy thu tổng cộng hơn 31 triệu đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở cấp phúc thẩm nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa phần quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt 12 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của bị cáo H nộp trong thời hạn luật định hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

Ngày 02/7/2023, tại xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo sử dụng điện thoại di động là phương tiện để nhắn tin cho nhau mua bán số lô, đề để thu lời bất chính, thắng thua căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hàng ngày cụ thể:

Nguyễn Văn T1 đánh bạc số tiền 25.500.000đ; Nguyễn Văn V đánh bạc số tiền 25.500.000đ; Nguyễn Trọng T2 đánh bạc 8.350.000đ; Đào Xuân B đánh bạc 6.400.000đ; Nguyễn Thị T đánh bạc số tiền 42.142.500đ; Lê Thị N1 đánh bạc số tiền 42.152.500đ. Ngày 06/4/2023 Đào Xuân S đánh bạc số tiền 6.250.000đ; Nguyễn Hữu H ngày 06/4/2023 đánh bạc số tiền 6.250.000đ(cả tiền thắng bạc), ngày 02/7/2023 đánh bạc số tiền 42.142.500đ(cả tiền thắng bạc),

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử đối với bị cáo Nguyễn Hữu H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của H xin được hưởng án treo hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi

thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong dư luận. Bị cáo nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án; xem xét đầy đủ các tình tiết về nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 12 (mười hai) tháng tù là phù hợp.

Tuy nhiên, bị cáo H có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại cấp phúc thẩm bị cáo giao nộp tình tiết giảm nhẹ TNHS mới: Giấy xác nhận đã tích cực tham gia các hoạt động vì lợi ích cộng đồng do địa phương phát động; tham gia phòng chống dịch covid; ủng hộ quỹ vì người nghèo. Ngoài ra sau khi xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm và tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên truy thu tổng cộng hơn 31 triệu đồng đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ Điều 65BLHS thống nhất với quan điểm và đề nghị của VKS, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt 12 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa về hình phạt như sau.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS. Điểm d khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKS Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà